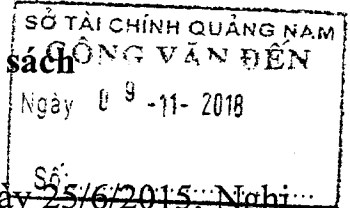


Quảng Nam, ngày 25 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO
Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
địa phương quý III năm 2018



Căn cứ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015, Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND tỉnh công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý III năm 2018, như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2018 trên địa bàn tỉnh là: 17.108 tỷ đồng, đạt 87% dự toán HĐND tỉnh giao, cụ thể:

a) Thu nội địa

Thực hiện 9 tháng đầu năm 2018 là 13.780 tỷ đồng, đạt 89% dự toán, trong đó thu nội địa không kể tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết là 12.980 tỷ đồng, đạt 89% so với dự toán, tăng 38% so cùng kỳ năm trước.

b) Thu thuế Xuất nhập khẩu

Thực hiện 9 tháng đầu năm là 3.322 tỷ đồng, đạt 79% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 97% so với cùng kỳ.

2. Về chi ngân sách địa phương.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao dự toán chi ngân sách địa phương năm 2018 là 20.067 tỷ đồng, thực hiện 9 tháng đầu năm là 11.614 tỷ đồng, đạt 58% dự toán giao. Cơ bản các nhiệm vụ chi đều bám sát dự toán giao, cụ thể:

a) Chi cân đối ngân sách: Thực hiện 9 tháng đầu năm là 9.886 tỷ đồng, đạt 56% dự toán giao. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: thực hiện 2.708 tỷ đồng, đạt 109% dự toán giao.
- Chi thường xuyên: thực hiện 6.613 tỷ đồng, đạt 57% dự toán, các nhiệm vụ chi đều bám sát dự toán HĐND tỉnh giao.
- Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: thực hiện 0,353 tỷ đồng, đạt 3% dự toán giao.
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: thực hiện 1,450 tỷ đồng, đạt 100% dự toán.

- Dự phòng ngân sách: thực hiện 40 tỷ đồng, đạt 8% dự toán giao.

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương và chi từ nguồn cải cách tiền lương: thực hiện 9 tháng đầu năm là 523 tỷ đồng, đạt 17% dự toán.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương: thực hiện 1.728 tỷ đồng, đạt 70% dự toán giao, trong đó:

- Chỉ chương trình mục tiêu quốc gia: thực hiện 9 tháng đầu năm là 344 tỷ đồng, đạt 73% dự toán.

- Chỉ các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư: Thực hiện 9 tháng đầu năm là 1.288 tỷ đồng, đạt 71% dự toán.

- Chỉ cho các nhiệm vụ, chính sách thường xuyên: Thực hiện 9 tháng đầu năm là 96 tỷ đồng, đạt 58% dự toán.

(Kèm theo Phụ lục số 59/CK-NSNN; 60/CK-NSNN; 61/CK-NSNN)

UBND tỉnh công bố công khai để các cơ quan, đơn vị biết theo dõi, chỉ đạo và thực hiện./*KG*

Nơi nhận:

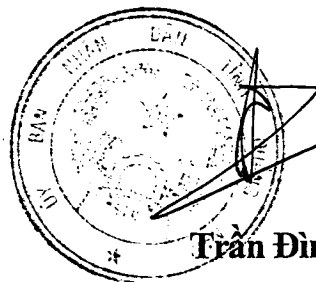
- Bộ Tài chính;
- TT TU, HĐND, UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH.

D:\Dropbox\Hai KTTH\Nam 2018\Bao cao Trung ương\Bao cao công khai thực hiện dự toán 2018 9 tháng đầu năm (CV 2482).doc

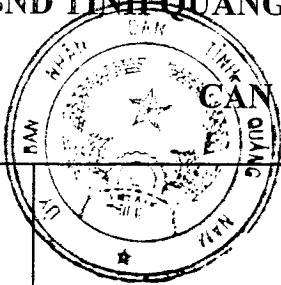
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đình Tùng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III/2018

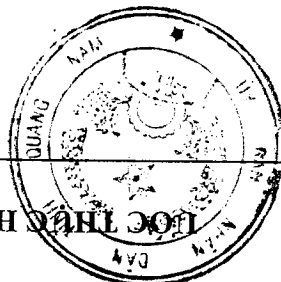
ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III/2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	23.521.325	26.447.240	112%	199%
I	Thu cân đối NSNN	19.676.000	17.108.081	87%	192%
1	Thu nội địa	15.476.000	13.780.506	89%	230%
2	Thu từ dầu thô	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	4.200.000	3.322.415	79%	114%
4	Thu viện trợ	0	5.160		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	3.845.325	9.339.159	243%	212%
B	TỔNG CHI NSDP	20.067.870	11.613.655	58%	98%
I	Chi cân đối NSDP	17.603.196	9.885.898	56%	100%
1	Chi đầu tư phát triển	2.491.939	2.708.471	109%	80%
2	Chi thường xuyên	11.553.119	6.612.508	57%	102%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	11.901	353	3%	97%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450	1.450	100%	100%
5	Dự phòng ngân sách	512.325	40.000	8%	105%
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương và chi từ nguồn cải cách tiền lương	3.032.462	523.116	17%	402%
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.464.674	1.727.757	70%	90%
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	76.300			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	74.653	50.000	67%	37%

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III/2018

Đơn vị: Triệu đồng

ST	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III/2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	19.676.000	17.108.081	87%	125%
I	Thu nội địa	15.476.000	13.780.506	89%	135%
1	Thu từ khu vực DNNN	1.031.900	655.332	64%	67%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.313.000	1.120.938	85%	231%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10.766.100	9.313.578	87%	140%
4	Thuế thu nhập cá nhân	380.000	358.080	94%	138%
5	Thuế bảo vệ môi trường	430.000	322.262	75%	106%
6	Lệ phí trước bạ	250.000	249.296	100%	184%
7	Các loại phí, lệ phí	100.000	263.516	264%	108%
8	Các khoản thu về nhà, đất	864.000	1.085.773	126%	119%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000	8.706	218%	188%
-	Thu tiền sử dụng đất	821.000	735.235	90%	94%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	39.000	336.817	864%	285%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		5.014		85%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước	55.000	66.068	120%	126%
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	76.000	64.928	85%	112%
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác, thu khác ngân sách xã	40.000	11.908	30%	67%
12	Thu khác ngân sách	170.000	268.827	158%	225%
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	4.200.000	3.322.415	79%	97%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	2.200.000	1.361.870	62%	75%
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu				
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	2.000.000	1.959.280	98%	122%
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		124		38%
6	Thu khác		1.141		99%
III	Thu viện trợ		5.160		
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	13.681.572	12.221.844	89%	135%
1	Từ các khoản thu phân chia	11.792.772	10.059.988	85%	142%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng	1.888.800	2.161.856	114%	110%



UBND TỈNH QUẢNG NAM

Biểu số 61/CK-NSNN

LỊCH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III/2018

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÀN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III/2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÀN NĂM	CÙNG KỲ CÁC NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
TỔNG CHI NSDP					
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	17.603.196	9.885.898	56%	98%
I	Chi đầu tư phát triển	2.491.939	2.708.471	109%	80%
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.411.939	2.650.152	110%	78%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	80.000	58.319	73%	90%
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	11.553.119	6.612.508	57%	102%
<i>Trong đó:</i>					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.328.909	2.458.388	57%	103%
2	Chi khoa học và công nghệ	40.640	42.285	104%	124%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.109.576	596.650	54%	103%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	218.074	116.741	54%	107%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	49.167	35.740	73%	109%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	86.851	48.022	55%	116%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	171.528	102.429	60%	131%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	2.039.410	609.697	30%	109%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	2.150.852	1.439.808	67%	96%
10	Chi bảo đảm xã hội	1.027.394	738.879	72%	89%
11	Chi quốc phòng	184.304	164.986	90%	107%
12	Chi an ninh	82.512	71.049	86%	120%
14	Chi khác	63.902	187.834	294%	159%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	11.901	353	3%	97%
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450	1.450	100%	100%
V	Dự phòng ngân sách	512.325	40.000	8%	105%
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương và chi từ nguồn cải cách tiền lương	3.032.462	523.116	17%	402%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CỎ MỨC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	2.464.674	1.727.757	70%	112%

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III/2018	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ CÁC NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	472.921	344.066	73%	96%
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.825.177	1.287.578	71%	133%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	166.576	96.113	58%	44%